

Câu 3: Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?

- A. Cây lương thực. B. Cây ăn quả. C. Cây công nghiệp. D. Cây rau đậu.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào tình hình phát triển và phân bố nông nghiệp (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Nhóm cây lương thực chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay.

Chọn A.

Câu 4: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta gồm

- A. sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính.
B. sản xuất các máy cơ khí, sản xuất máy vi tính.
C. sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy kéo.
D. sản xuất máy móc điện tử, sản xuất máy kéo.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm phát triển và phân bố một số ngành công nghiệp (phần ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính).

Cách giải:

Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính ở nước ta gồm sản xuất linh kiện điện tử, sản xuất máy vi tính.

B, C, D sai vì sản xuất các máy cơ khí, sản xuất máy kéo không phải là sản phẩm điện tử, máy vi tính.

Chọn A.

Câu 5: Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta hiện nay?

- A. Vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng cao trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá.
B. Mạng lưới đường thuỷ nội địa phát triển và phân bố rộng khắp ở các vùng.
C. Ngành vận tải đường biển có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất.
D. Hàng không là ngành có khối lượng vận chuyển hàng hoá rất lớn và tăng nhanh.

Câu 5 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành giao thông vận tải.

Cách giải:

Ngành vận tải đường biển có khối lượng luân chuyển hàng hoá lớn nhất là phát biểu đúng với tình hình phát triển ngành giao thông vận tải ở nước ta hiện nay do đây là loại hình vận tải đảm nhiệm vai trò xuất, nhập khẩu hàng hóa lớn, công kênh di chuyển trên quãng đường xa (tới các quốc gia/khu vực khác trên thế giới).

A sai vì vận tải đường sắt chiếm tỉ trọng thấp trong tổng khối lượng vận chuyển hàng hoá.

B sai vì mạng lưới đường thủy nội địa phát triển và phân bố chủ yếu ở vùng Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và một số tuyến khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Chọn C.

Câu 6: Ngành viễn thông nước ta hiện nay

A. chủ yếu phát triển ở miền núi

B. chưa sử dụng hệ thống vệ tinh.

C. phát triển theo hướng hiện đại.

D. gồm nhiều bưu điện văn hoá xã.

Câu 6 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành bưu chính viễn thông (phần ngành viễn thông).

Cách giải:

Ngành viễn thông nước ta hiện nay phát triển theo hướng hiện đại, rộng khắp; tạo thành mạng lưới kết nối quan trọng, đồng thời với dung lượng lớn, tốc độ cao; góp phần to lớn vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chọn C.

Câu 7: Than an-tra-xít ở Đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở tỉnh

A. Quảng Ninh.

B. Nam Định.

C. Ninh Bình.

D. Hà Nam

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội Đồng bằng sông Hồng.

Cách giải:

Than an-tra-xít ở Đồng bằng sông Hồng tập trung chủ yếu ở tỉnh Quảng Ninh.

Chọn A.

Câu 8: Phát biểu nào sau đây **không** đúng về khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay?

A. Thu hút các nguồn đầu tư.

B. Tạo nhiều cơ hội việc làm.

C. Được phát triển từ rất sớm.

D. Có cơ sở hạ tầng đảm bảo.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay.10

Cách giải:

Được phát triển từ rất sớm là phát biểu không đúng với khu công nghệ cao ở nước ta hiện nay. Khu công nghệ cao được hình thành sớm nhất nước ta là Khu công nghệ cao Hòa Lạc (năm 1998), các khu công nghệ cao khác như: Thành phố Hồ Chí Minh (năm 2002); Đà Nẵng (năm 2010); Công nghệ sinh học Đồng Nai (năm 2016).

Chọn C.

Câu 9: Cơ sở quan trọng nhất để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp kinh tế biển là

- A. ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc, bãi tắm đẹp.
- B. giáp vùng biển rộng, tài nguyên biển phong phú.
- C. có đường bờ biển dài, nhiều vũng vịnh, đầm phá.
- D. nhiều bãi tắm đẹp, nhiều vịnh nước sâu kín gió.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh và hạn chế đối với phát triển các ngành kinh tế biển Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cách giải:

Cơ sở quan trọng nhất để vùng Duyên hải Nam Trung Bộ phát triển tổng hợp kinh tế biển là giáp vùng biển rộng, tài nguyên biển phong phú.

A sai vì điều kiện ít chịu ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc là điều kiện thuận lợi giúp các ngành kinh tế biển phát triển, không phải là cơ sở quan trọng nhất để vùng phát triển tổng hợp kinh tế biển.

C sai vì đây là điều kiện thuận lợi phát triển ngành giao thông vận tải biển, mang ý nghĩa hẹp hơn ý B.

D sai vì nhiều bãi tắm đẹp là cơ sở phát triển ngành du lịch biển, nhiều vịnh nước sâu kín gió là cơ sở phát triển ngành giao thông vận tải biển, mang ý nghĩa hẹp hơn ý B.

Chọn B.

Câu 10: Ô nhiễm không khí xảy ra chủ yếu ở khu vực nào sau đây của nước ta?

- A. Khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất nông nghiệp phát triển.
- B. Khu vực đô thị có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển.
- C. Khu vực miền núi, trung du có trồng nhiều cây công nghiệp.
- D. Khu vực đồng bằng có trồng nhiều cây hương thực, thực phẩm.

Câu 10 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung bảo vệ môi trường (phần ô nhiễm không khí).

Cách giải:

Ô nhiễm không khí xảy ra chủ yếu ở khu vực đô thị có hoạt động sản xuất công nghiệp phát triển vì ô nhiễm không khí ở nước ta chủ yếu do khí thải của các phương tiện giao thông, khí thải do các hoạt động sản xuất công nghiệp, rơm rạ,...

Chọn B.

Câu 11: Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của

- A. gió Tây, gió mùa Đông Bắc, độ cao các dãy núi và hình dáng lãnh thổ.
- B. vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- C. bão, dải hội tụ nhiệt đới, các loại gió thổi hướng tây nam và đông bắc.
- D. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

Câu 11 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào các yếu tố gây ra sự phân hóa nhiệt độ giữa các vùng trên lãnh thổ nước ta dựa vào đặc điểm vị trí, địa hình,...

Cách giải:

Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ nhiệt chủ yếu do tác động của vị trí địa lí, địa hình, các loại gió và thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh.1

- Vị trí địa lí: Việt Nam trải dài trên nhiều vĩ độ, từ khoảng $8^{\circ}34'B$ đến $23^{\circ}23'B$. Sự khác biệt về vĩ độ dẫn đến sự khác biệt về góc chiếu của Mặt Trời và thời gian chiếu sáng, do đó ảnh hưởng lớn đến lượng nhiệt nhận được giữa các vùng.

- Địa hình: Nhiệt độ giảm dần theo độ cao (cứ lên cao 100m, nhiệt độ giảm khoảng $0,6^{\circ}C$). Các vùng núi cao có chế độ nhiệt khác biệt rõ rệt so với vùng đồng bằng.

- Hướng các dãy núi: Các dãy núi có hướng khác nhau sẽ đón nhận bức xạ Mặt Trời khác nhau, đồng thời cũng ảnh hưởng đến sự xâm nhập của các khối khí lạnh hoặc nóng, gây ra sự khác biệt về nhiệt độ giữa các sườn núi và các vùng bị chắn gió.

- Thời gian Mặt Trời lên thiên đỉnh: Do vị trí địa lí nằm trong vùng nội chí tuyến, Mặt Trời lên thiên đỉnh ở các vĩ độ khác nhau vào các thời điểm khác nhau trong năm. Điều này tạo ra sự khác biệt về thời điểm có nhiệt độ cao nhất giữa các vùng.

Chọn B.

Câu 12: Năng suất lao động của nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

- A. tăng cường sử dụng máy móc, thay đổi thời thời gian sản xuất

- B. đẩy mạnh đào tạo nghề, tăng giờ làm và trẻ hóa lao động.
- C. hiện đại hóa sản xuất, chú trọng phát triển y tế và giáo dục.
- D. áp dụng nhiều kĩ thuật hiện đại, nâng cao độ tuổi lao động

Câu 12 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào các nguyên nhân giúp nâng suất lao động nước ta ngày càng tăng.

Cách giải:

Năng suất lao động của nước ta ngày càng tăng chủ yếu do

- Hiện đại hóa sản xuất: Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ vào sản xuất giúp nâng cao hiệu quả sử dụng các yếu tố đầu vào (vốn, nguyên liệu, lao động), từ đó tạo ra nhiều sản phẩm hơn trong cùng một đơn vị thời gian hoặc với cùng một lượng lao động. Đây là yếu tố then chốt để tăng năng suất lao động.

- Chú trọng phát triển y tế và giáo dục:

+ Y tế: Một lực lượng lao động khỏe mạnh sẽ có năng suất làm việc cao hơn, ít bị gián đoạn do ốm đau. Việc cải thiện chất lượng y tế giúp nâng cao thể chất và tuổi thọ của người lao động.

+ Giáo dục: Nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng của người lao động thông qua giáo dục và đào tạo giúp họ tiếp thu và vận dụng các công nghệ mới, làm việc hiệu quả hơn và sáng tạo hơn.

Chọn C.

Câu 13: Sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Tây Nguyên là du lịch

- A. sinh thái, văn hoá, tìm hiểu các giá trị độc đáo của văn hoá công chiêng.
- B. biển đảo, sinh thái gắn với tìm hiểu bản sắc văn hoá các dân tộc thiểu số.
- C. đô thị, MICE, tìm hiểu lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng và sinh thái biển, đảo.
- D. nghỉ dưỡng biển, đảo gắn với di sản, tìm hiểu văn hoá biển, ẩm thực biển.

Câu 13 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Tây Nguyên (phần ngành du lịch).

Cách giải:

Sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Tây Nguyên là du lịch sinh thái, văn hoá, tìm hiểu các giá trị độc đáo của văn hoá công chiêng.

B sai vì đó là các sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Bắc Trung Bộ.

D sai vì đó là các sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ.

C sai vì đó là các sản phẩm đặc trưng của vùng du lịch Đông Nam Bộ.

Chọn A.

Câu 14: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. tạo động lực cho vùng phát triển, giải quyết tốt việc làm.
- B. giải quyết nhu cầu về điện cho vùng, phát triển thủy lợi.
- C. khai thác hiệu quả tiềm năng vùng, thúc đẩy công nghiệp.
- D. điều tiết lũ cho đồng bằng, nâng cao đời sống người dân.

Câu 14 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào khai thác các thế mạnh và hướng phát triển kinh tế ở Trung du và miền núi Bắc Bộ (phần phát triển thủy) và suy luận về ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện trong vùng.

Lưu ý: ý nghĩa của việc phát triển các ngành đề hướng tới sự ăng trưởng kinh tế.

Cách giải:

Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là khai thác hiệu quả tiềm năng vùng, thúc đẩy công nghiệp.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng vùng: Trung du và miền núi Bắc Bộ có tiềm năng thủy điện lớn do địa hình dốc, nhiều sông với lưu lượng nước lớn. Việc xây dựng các nhà máy thủy điện giúp tận dụng nguồn tài nguyên này một cách hiệu quả.

- Thúc đẩy công nghiệp: Nguồn điện dồi dào và ổn định từ các nhà máy thủy điện là yếu tố then chốt để phát triển các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành tiêu thụ nhiều điện như khai thác khoáng sản, chế biến nông lâm sản. Điều này tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế của vùng.

A sai vì ngành thủy điện không cần nhiều lao động => giải quyết tốt việc làm là chưa đúng.

B sai vì phát triển thủy lợi không phải là ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện.

D sai vì một số hồ thủy điện có chức năng điều tiết lũ nhưng đây không phải là ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện. Nâng cao đời sống do yếu tố kinh tế phát triển trong đó có cả thủy điện, không phải là ý nghĩa chủ yếu trực tiếp của việc phát triển thủy điện.

Chọn C.

Câu 15: Trung Bộ nước ta có mùa mưa vào thu đông chủ yếu do

- A. địa hình đón gió, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới và bão.
- B. frông, Tín phong đông bắc, dải hội tụ nhiệt đới và hướng địa hình.
- C. hướng các dãy núi, Tín phong Nam bán cầu và áp thấp nhiệt đới.
- D. vị trí tiếp giáp biển, các gió hướng tây nam và áp thấp nhiệt đới.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa phần gió mùa và liên hệ các yếu tố gây mưa

vào mùa thu đông cho khu vực Trung Bộ.

Cách giải:

Trung Bộ nước ta có mùa mưa vào thu đông chủ yếu do địa hình đón gió, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới và bão.

- Địa hình đón gió: vào mùa thu đông, gió mùa Đông Bắc hoạt động kết hợp với các dãy núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam (như dãy Trường Sơn Bắc) ở Trung Bộ gây ra hiện tượng mưa nhiều ở sườn đông các dãy núi này.

- Hoàn lưu khí quyển: Vào thời kỳ thu đông, các hoạt động của hoàn lưu khí quyển như sự di chuyển xuống phía nam của các khối khí lạnh từ phía bắc cũng góp phần gây mưa ở Trung Bộ. **13**

- Dải hội tụ nhiệt đới: Dải hội tụ nhiệt đới thường hoạt động mạnh vào mùa hè nhưng lại có đặc điểm là hoạt động chậm dần từ bắc vào nam. Khi dải hội tụ nhiệt đới đi qua khu vực Trung Bộ vào thời kỳ này, thường gây ra những đợt mưa lớn kéo dài.

- Bão: Trung Bộ là khu vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của nhiều cơn bão và áp thấp nhiệt đới từ Biển Đông vào mùa thu đông, gây ra mưa lớn.

Chọn A.

Câu 16: Đối tượng nuôi trồng thủy sản của Bắc Trung Bộ ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại giá trị kinh tế cao.
- B. đường bờ biển kéo dài, có mạng lưới sông ngòi dày đặc.
- C. nhiều vùng trũng đồng bằng, trình độ lao động nâng cao.
- D. lao động giàu kinh nghiệm, tài nguyên sinh vật đa dạng.

Câu 16 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung về một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản Bắc Trung Bộ (phần ngành thủy sản)

Cách giải:

Đối tượng nuôi trồng thủy sản của Bắc Trung Bộ ngày càng đa dạng chủ yếu do đáp ứng nhu cầu thị trường, mang lại giá trị kinh tế cao.

- Đáp ứng nhu cầu thị trường: Thị trường ngày càng có nhu cầu đa dạng đối với các loại thủy sản khác nhau, từ các loài truyền thống đến các loài có giá trị kinh tế cao hơn. Để đáp ứng nhu cầu này và tăng lợi nhuận, người dân và các cơ sở nuôi trồng đã chủ động tìm kiếm và phát triển các đối tượng nuôi mới.

- Mang lại giá trị kinh tế cao: Việc đa dạng hóa đối tượng nuôi trồng, đặc biệt là các loài có giá trị kinh tế cao (tôm sú, tôm thẻ chân trắng, các loài cá đặc sản...), giúp tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, nâng cao thu nhập cho người dân và thúc đẩy sự phát triển của ngành thủy sản trong khu vực.

Chọn A.

Câu 17: Thế mạnh nổi bật về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để phát triển trồng cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới chính là

- A. địa hình phần lớn đồi núi, xen kẽ các cao nguyên.
- B. mạng lưới sông ngòi dày đặc, lưu lượng nước lớn.
- C. khu vực đồi núi thấp có đất feralit diện tích lớn.
- D. khí hậu có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao.

Câu 17 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh để phát triển kinh tế vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Lưu ý: việc có thể phát triển được các loại cây có nguồn gốc khác nhau chủ yếu do đặc điểm khí hậu.

Cách giải:

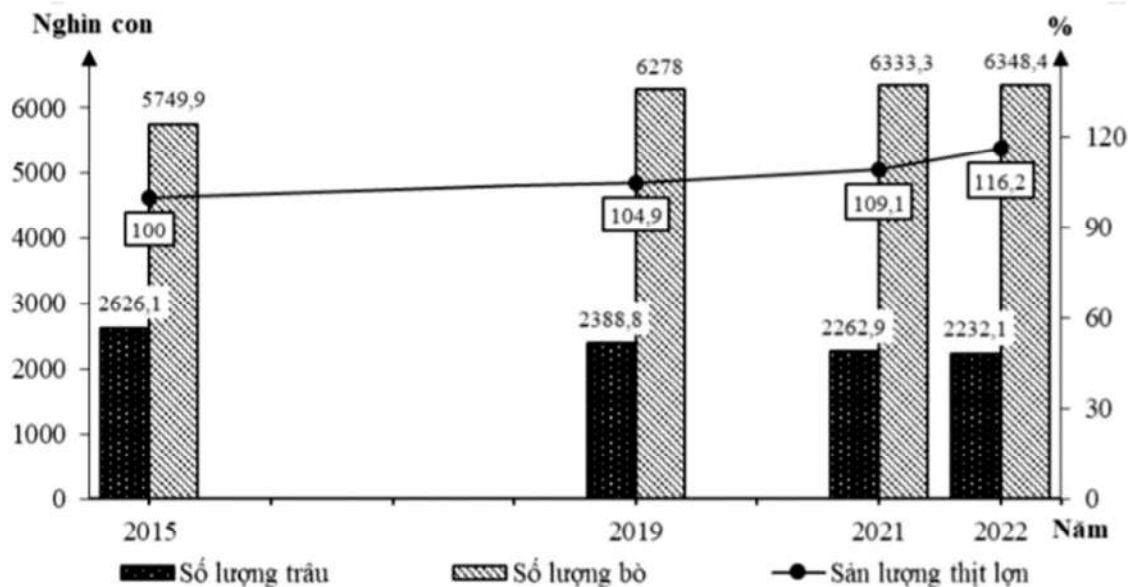
Thế mạnh nổi bật về tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ để phát triển trồng cây công nghiệp, rau quả có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới chính là khí hậu có mùa đông lạnh, phân hóa theo độ cao.

- Mùa đông lạnh: Cho phép trồng các loại cây ưa lạnh, có nguồn gốc ôn đới như chè, các loại rau vụ đông (bắp cải, su hào, súp lơ), một số loại cây ăn quả (mận, đào).

- Phân hóa theo độ cao: Sự thay đổi nhiệt độ theo độ cao (càng lên cao nhiệt độ càng giảm) tạo ra các tiểu vùng khí hậu khác nhau, phù hợp với nhiều loại cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt (hồi, quế, một số loại cây ăn quả) và ôn đới ở các vùng núi cao.

Chọn D.

Câu 18: Cho biểu đồ:



Số lượng trâu, bò và tốc độ tăng sản lượng thịt lợn, giai đoạn 2015 - 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023, <https://www.gso.gov.vn>)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Số lượng trâu có xu hướng tăng, số lượng bò có xu hướng giảm.
- B. Sản lượng thịt lợn và số lượng trâu đều có xu hướng tăng liên tục.
- C. Tỷ trọng đàn bò năm 2021 chiếm 73,9% tổng đàn trâu bò cả nước.
- D. Tốc độ tăng trưởng sản lượng thịt lợn giai đoạn 2015 - 2022 đạt 116,2%.

Câu 18 (TH):4

Phương pháp:

Dựa vào biểu đồ và công thức tính tỷ trọng:

$$\text{Tỷ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

Cách giải:

- A sai, dựa vào biểu đồ ta thấy số lượng trâu có xu hướng giảm, số lượng bò có xu hướng tăng.
- B sai vì số lượng trâu giảm liên tục.
- C sai vì tỷ trọng đàn bò năm 2021 chiếm: $[6348,4 / (6348,4 + 2232,1)] * 100 = 73,99\% \approx 74\%$ tổng đàn trâu bò cả nước.
- D đúng, dựa vào biểu đồ, ta thấy tốc độ tăng trưởng sản lượng thịt lợn giai đoạn 2015 - 2022 đạt 116,2%.

Chọn D.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c),

d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4

Đáp án	ĐSSS	ĐĐSĐ	ĐĐSS	ĐSSĐ
---------------	------	------	------	------

Câu 1: Cho thông tin sau:

Trong những năm qua, hoạt động du lịch của Việt Nam trên đà phát triển. Lượng khách quốc tế đến, khách nội địa và doanh thu du lịch không ngừng tăng. Du lịch Việt Nam ngày càng được biết đến nhiều hơn, trở thành một nhu cầu trong đời sống văn hóa - xã hội của người dân. Tài nguyên du lịch phong phú là cơ sở tạo nên các sản phẩm du lịch khác nhau giữa các vùng.

- a) Hoạt động du lịch nước ta trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b) Các loại hình du lịch sinh thái chỉ tập trung ở vùng Đồng bằng sông Hồng.
- c) Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do tài nguyên du lịch tự nhiên rất đa dạng.
- d) Xu hướng phát triển du lịch sinh thái, du lịch xanh, du lịch cộng đồng diễn ra ở nhiều vùng kinh tế của nước ta hiện nay.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về ngành du lịch nước ta.

Cách giải:

- a) Đúng. Ngành du lịch hiện nay đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ở nước ta.
- b) Sai. Hầu hết các vùng ở nước ta đều phát triển các loại hình du lịch sinh thái.
- c) Sai. Tài nguyên chỉ là cơ sở cho sự phát triển ngành du lịch. Doanh thu du lịch của nước ta tăng chủ yếu do chất lượng sống của người dân ngày càng cao, phát triển cơ sở hạ tầng, chất lượng dịch vụ, hoạt động quảng bá,...
- d) Đúng.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Trong báo cáo năm 2020 của Viện Nghiên cứu phát triển Du lịch Việt Nam có đưa ra khái niệm: Du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- a) Phát triển du lịch xanh giúp khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường.
- b) Du lịch xanh chịu sự tác động rất lớn của tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa - nhân văn.
- c) Những nơi kinh tế phát triển, đô thị hoá mạnh, đông dân sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch xanh hơn.
- d) Du lịch xanh là hình thức phát triển cao nhất, hiệu quả và toàn diện nhất so với các hình thức phát triển du lịch hiện nay.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành du lịch.

Cách giải:

- a) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường”
- b) Đúng. Du lịch xanh không chỉ dựa vào tài nguyên tự nhiên mà còn phải bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa - nhân văn của các cộng đồng địa phương. Việc khai thác tài nguyên phải tôn trọng và gìn giữ cả giá trị văn hóa và tự nhiên.
- c) Sai. Vì du lịch xanh là du lịch dựa trên nền tảng khai thác hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển gắn với bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu => Do đó, các khu vực có sự phát triển đô thị mạnh và đông dân đôi khi gặp khó khăn trong việc bảo vệ môi trường, bảo tồn sự đa dạng sinh học và giảm phát thải khí nhà kính.
- d) Đúng vì du lịch xanh vừa mang lại nhiều lợi ích kinh tế, vừa bảo vệ môi trường; không ảnh hưởng xấu đến tương lai.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Bắc Trung Bộ có diện tích rừng tự nhiên chiếm 70% tổng diện tích rừng, tỉ lệ che phủ rừng cao hơn mức trung bình của cả nước. Đặc biệt, khu vực rừng ở Bắc Trung Bộ có nhiều loại gỗ, lâm sản, các loài động vật quý nằm trong Sách đỏ Việt Nam. Ở đây có nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia như Pù Mát, Phong Nha - Kẻ Bàng....

- a) Bắc Trung Bộ có diện tích rừng lớn trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- b) Rừng ở Bắc Trung Bộ vừa có giá trị kinh tế - xã hội, vừa có giá trị về môi trường sinh thái.
- c) Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng ở Bắc Trung Bộ là cung cấp gỗ và các loại lâm sản, chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt.
- d) Rừng giàu tập trung chủ yếu ở vùng đồi trước núi, có ý nghĩa lớn trong việc bảo vệ tính đa dạng sinh học.

Câu 3 (VD):**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về thế mạnh tự nhiên, đặc điểm ngành lâm nghiệp Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

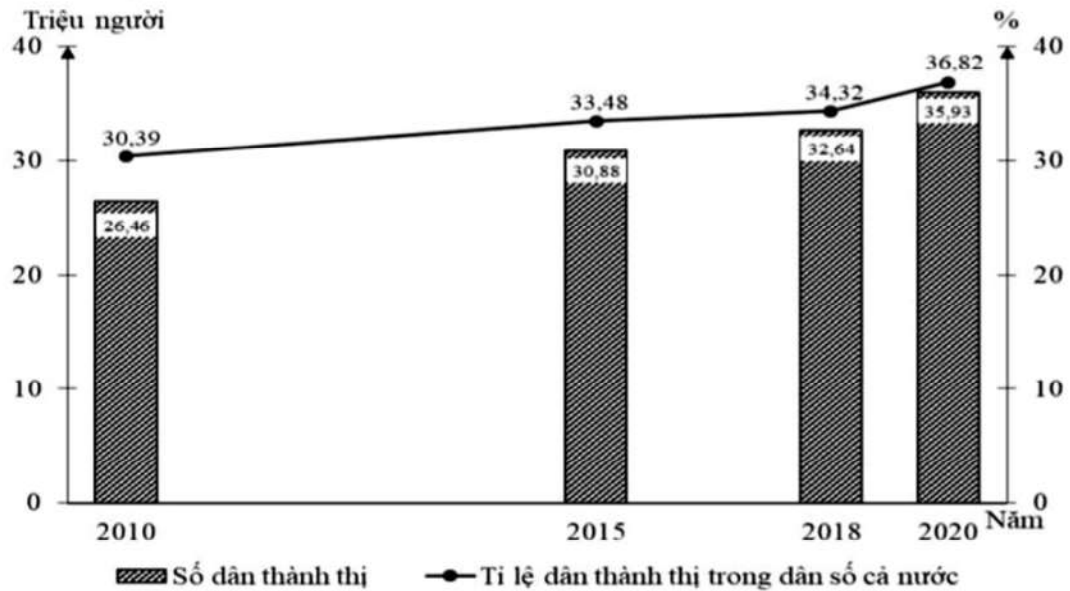
- a) Đúng. Bắc Trung Bộ có diện tích rừng tự nhiên chiếm 70% tổng diện tích rừng, trong đó chủ yếu là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.
- b) Đúng. Rừng ở Bắc Trung Bộ không chỉ có giá trị kinh tế với nguồn gỗ và lâm sản, mà còn có giá trị lớn về mặt bảo vệ môi trường sinh thái, như bảo tồn đa dạng sinh học, chống xói mòn đất và hạn

chế lũ lụt.

c) Sai. Chống xói mòn đất, hạn chế lũ lụt không phải là vai trò về mặt kinh tế, mà đây là vai trò về mặt sinh thái. Vai trò kinh tế chủ yếu của rừng ở Bắc Trung Bộ là cung cấp gỗ và các loại lâm sản.

d) Sai. Rừng giàu tập trung ở vùng đồi núi, núi cao ở phía tây (vùng giáp biên giới với Lào (Nghệ An, Quảng Bình)).

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2010 - 2020

5 (Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

a) Tỉ lệ dân nông thôn luôn cao hơn tỉ lệ dân thành thị.

b) Dân số thành thị tăng liên tục, tăng thêm 6,43 triệu người.

c) Số dân nông thôn tăng 1,14 triệu người trong giai đoạn 2010 - 2020.

d) Tỉ lệ dân nông thôn giảm chủ yếu do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển của mạng lưới đô thị.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a, b) Dựa vào biểu đồ.

c) Tính số dân nông thôn giai đoạn năm 2010 và năm 2020 qua các bước sau:

- Tính tổng số dân:

$$\text{Tỉ lệ dân thành thị} = (\text{Số dân thành thị} / \text{Tổng số dân}) * 100$$

$$\Rightarrow \text{Tổng số dân} = (\text{Số dân thành thị} * 100) / \text{Tỉ lệ dân thành thị}$$

- Số dân nông thôn = Tổng số dân – Số dân thành thị.

d) Dựa vào nguyên nhân làm tỉ lệ dân nông thôn giảm.

Cách giải:

- a) Đúng vì tỉ lệ dân thành thị giai đoạn 2010 – 2020 luôn thấp dưới 50%.
- b) Sai. Số dân thành thị tăng liên tục và tăng: $35,93 - 26,46 = 9,47$ triệu người.
- c) Sai

* Tính số dân nông thôn năm 2010:

- Tổng số dân năm 2010 là: $(26,46 \cdot 100) / 30,39 = 87,0$ triệu người

- Số dân nông thôn năm 2010 là: $87,0 - 26,46 = 60,54$ triệu người

* Tính tương tự, số dân nông thôn năm 2020 là: 61,65 triệu người.

=> Giai đoạn 2010 – 2020, số dân nông thôn tăng: $61,65 - 60,54 = 1,11$ triệu người.

d) Đúng. Do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sự phát triển của mạng lưới đô thị nên tỉ lệ dân thành thị tăng, tỉ lệ dân nông thôn giảm.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	25,0	2019	1098	10	91,8	60,9

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ trung bình các tháng của Hà Nội năm 2022

Tháng	<i>(Đơn vị: °C)</i>											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội (Láng)	18,6	15,3	23,1	24,8	26,8	31,4	30,6	29,9	29,0	26,2	26,0	17,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội năm 2022 là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

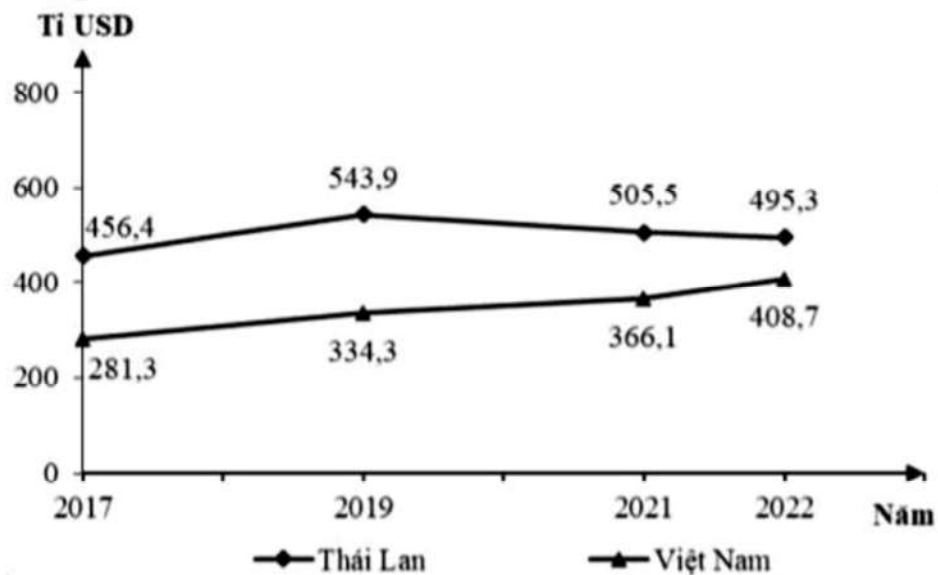
Nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Cách giải:

Nhiệt độ trung bình của Hà Nội năm 2022 là:

$$(18,6 + 15,3 + 23,1 + \dots + 17,8) / 12 = 25,0^\circ\text{C}$$

Câu 2: Cho biểu đồ:



6

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2017 - 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2023)

Cho biết trong giai đoạn 2017 - 2022, cho biết năm nào tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan có mức chênh lệch cao nhất?

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Tính sự chênh lệch tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan qua từng năm.

Cách giải:

- Sự chênh lệch tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan giai đoạn 2017 – 2022:

+ Năm 2017: $456,4 - 281,3 = 175,1$ tỉ USD

+ Năm 2019: $543,9 - 334,3 = 209,6$ tỉ USD

+ Năm 2021: $505,5 - 366,1 = 139,4$ tỉ USD

+ Năm 2022: $495,3 - 408,7 = 86,6$ tỉ USD

=> Năm 2019 tổng sản phẩm trong nước (GDP) giữa Việt Nam và Thái Lan có mức chênh lệch cao nhất.

Câu 3: Năm 2023, vùng Đồng bằng sông Hồng có số dân là 23372,4 nghìn người, diện tích của vùng là 21278,6 km². Tính mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/ km²).

Câu 3 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Mật độ dân số = Số dân/Diện tích

Lưu ý đổi đơn vị

Cách giải:

Đổi 23372,4 nghìn người = 23372400 người

Mật độ dân số của vùng Đồng bằng sông Hồng năm 2023 là:

$23372400/21278,6 = 1098$ người/ km²

Câu 4: Cho bảng số liệu:

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP GIAI ĐOẠN
2018 – 2021**

Năm	2018	2021
Số dự án (<i>dự án</i>)	3147	1818
Tổng vốn đăng kí (<i>Triệu đô la Mỹ</i>)	36368,6	38854,3

(Nguồn: Niên giám thống kê 2021, NXB Thống kê, 2022)

Tính chênh lệch bình quân số vốn đăng kí số dự án giữa năm 2021 với 2018 (làm tròn kết quả đến chữ số hàng đơn vị của Triệu đô la Mỹ/dự án).

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Tính bình quân số vốn đăng kí dự án dựa vào công thức:

Bình quân số vốn đăng kí dự án = Tổng số vốn đăng kí/Số dự án

Cách giải:

Chênh lệch bình quân số vốn đăng kí số dự án giữa năm 2021 với 2018 là:

$(38854,3/1818) - (36368,6/3147) = 10$ Triệu đô la Mỹ/dự án

Câu 5: Vận tải hành khách năm 2022 của nước ta đạt 4025 triệu lượt khách vận chuyên, trong đó vận tải hành khách đường bộ đạt 3694,4 triệu lượt khách vận chuyên. Tính tỉ trọng vận chuyên hành khách của đường bộ so với toàn ngành vận tải của cả nước năm 2022. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ trọng vận chuyên hành khách của đường bộ so với toàn ngành vận tải của cả nước năm 2022 là:

$$(3694,4/4025)*100 = 91,8\%$$

Câu 6: Cho bảng số liệu:

Diện tích và sản lượng lương thực có hạt của một số tỉnh nước ta năm 2022

Tỉnh	Bắc Ninh	Thái Bình	Nam Định
Diện tích (nghìn ha)	61,1	160,7	146,0
Sản lượng (nghìn tấn)	397,2	1045,6	889,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, NXB Thống kê, 2024)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năng suất lương thực có hạt của tỉnh thấp nhất là bao nhiêu tạ/ha (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Năng suất} = \text{Sản lượng} / \text{Diện tích}$$

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Năng suất lương thực có hạt của các tỉnh là:

$$+ \text{ Bắc Ninh: } 397,2/61,1 = 6,5 \text{ tấn/ha} = 65 \text{ tạ/ha}$$

$$+ \text{ Thái Bình: } 1045,6/160,7 = 6,51 \text{ tấn/ha} = 65,1 \text{ tạ/ha}$$

$$+ \text{ Nam Định: } 889,4/146,0 = 6,09 \text{ tấn/ha} = 60,9 \text{ tạ/ha}$$

=> Tỉnh Nam Định có năng suất lương thực có hạt thấp nhất, đạt 60,9 tạ/ha

----- HẾT -----